| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ MỚI**<br>**TỈNH AN GIANG**<br>_____ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Đ2c lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>_____ |

Bản án số: 98/2020/DS-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2020
*V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Ông Trần Quang Thanh.

***Các Hội thẩm nhân dân***:

1. Ông Trịnh Văn Bé;

2. Ông Ngô Văn Mừng.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Lộc, kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Địa chỉ: Số 40-42-44, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn***:

- Ông Trần Tuấn A. Chức vụ: Tổng giám đốc, làm đại diện theo pháp luật.

- Ông Lê Hữu Đ1. Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh An Giang; làm đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2018).

- Ông Phạm Quốc Đ2, sinh năm 1985. Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân kiêm khách hàng doanh nghiệp, làm đại diện theo ủy quyền lại. (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2018).

- Đại diện theo ủy quyền của ông Đ2. Có ông Mai Quốc B. (Văn bản ủy quyền 30/3/2020). (có mặt).

Địa chỉ cùng cư trú tại: Lô 21, 22-A2, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**2. *Bị đơn***: - Ông Huỳnh Văn T4, sinh năm 1962. (vắng mặt).

- Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1964. (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

**3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Huỳnh Phong V, sinh năm 1982. (vắng mặt).

- Ông Huỳnh Đại D, sinh năm 1986. (vắng mặt).

Địa chỉ cùng cư trú tại: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Tô Hữu T1, sinh năm 1985. (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cùng cư trú tại: Số 284, tổ 12, ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Hà Thanh T2, sinh năm 1967. (có đơn xin vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm 1970. (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cùng cư trú: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1965. (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Huỳnh Văn T5, sinh năm 1964. (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có ông Mai Quốc B trình bày: Vào ngày 19/12/2012 ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P có đến Ngân hàng vay số tiền 230.000.000 đồng; thực hiện theo Hợp đồng tín dụng số 7222/HĐTD ngày 19/12/2012, mục đích vay bổ sung nguồn vốn sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 18 tháng, ông T4 và bà P nhận đủ tiền và có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số TD7222/HĐTC ngày 19/12/2012. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn diện tích 251,6m$^2$ tài sản gắn liến với đất và nhà ở cấp IV a, thửa số 96, tờ bản đồ số 28 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà 898933063400165 của UBND huyện C cấp ngày 16/4/2007 và 11/8/2008 cho ông T4, bà P. Đất tọa lạc ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 1.145m$^2$ và tài sản gắn liền với đất thửa số 36,37, tờ bản đồ số 94theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP187226 do UBND huyện C cấp ngày 29/9/2009 cho ông T4, bà P. Đất tọa lạc ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 2.125m$^2$ và tài sản gắn liền với đất thửa số 24,25, tờ bản đồ số 94 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP187227 do UBND huyện C cấp ngày 29/9/2009 cho ông T4, bà P. Đất tọa lạc ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Do đến hạn thanh T5án nợ gốc và lãi ông T4, ba P không thực hiện việc trả nợ nên yêu cầu ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền gốc 230.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 31/3/2020 là 455.905.500 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 31/5/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh T5án dứt nợ tổng cộng 685.850.371đồng.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TD7222/HĐTC ngày 19/12/2012 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P để đảm B cho việc thi hành án.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P trình bày ông, bà thừa nhận vào năm 2012 ông, bà có ký kết Hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP K vốn là 230.000.000 đồng và lãi đến ngày 31/3/2020 là 455.905.500 đồng, ông, bà có thế chấp diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông và vợ trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi 685.850.371 đồng. Ông thống nhất số tiền vốn 230.000.000 đồng và không thống nhất số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tô Hữu T1 trình bày ông và ông T4, bà P vào năm 2009 có làm hợp đồng cầm cố là 60.000.000 đồng, đến 2013 làm hợp đồng mới số tiền 80.000.000 đồng; thời hạn cố 02 năm hiện nay ông T1 đang canh tác trồng hoa màu khi cố có làm giấy tờ. Nay yêu cầu ông T4, bà P trả lại 80.000.000 đồng ông trả lại đất, còn ông T4 bà P sang nhượng thì ông mua lại. Không yêu cầu ông T4 và bà P trả trong vụ án này.

Ông Hà Thanh T2 và bà Huỳnh Thị T3 trình bày ông và ông T4 là bà con, năm 2010 ông có sang nhượng lại diện tích đất khoảng 430m$^2$ khi thỏa thuận mua lại khoảng 12.000.000 đồng và canh tác cho đến nay. Nay, ông yêu cầu ông T4, bà P sang lại diện tích đất ông đanh canh tác khoảng 430m$^2$. Không yêu cầu ông T4 và P trả trong vụ án này.

Ông Huỳnh Văn T5 và bà Lê Thị Mỹ L trình bày ông T5 là em ruột, bà L là em dâu của ông T4, bà P hiện nay ông T5 và bà L có xây dựng nhà ngang 4,5m dài

15m nhà gỗ, vách gỗ, nền đúc, lợp tole, có 01 khu mộ, tôi ở trên đất khoảng 14 năm, xây dựng nhà lại khoảng 06 năm nay. Không tranh chấp và không yêu cầu ông T4, bà P trả trong vụ án này.

Ông Huỳnh Phong V và ông Huỳnh Đại D được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V, ông D vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K do ông Mai Quốc B đại diện, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Tiên có mặt và đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Ông Huỳnh Văn T4, bà Lê Thị Kim P, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các ông, bà Huỳnh Phong V, Huỳnh Đại D, Tô Hữu T1, Huỳnh Văn T5, Hà Thanh T2, Huỳnh Thị T3, Lê Thị Mỹ L, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Ngày 19/12/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần K (Ngân hàng K) với ông Huỳnh Văn T4, bà Lê Thị Kim P, ký hợp đồng cấp tín dụng số 7222 với số tiền 230.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 18 tháng (từ ngày từ 19/12/2012 đến ngày 19/6/2014), lãi suất 1,55%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, phạt chậm trả lãi 0,1%/ngày. Tài sản thế chấp là 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05138aB ngày 29/9/2009, diện tích 1.145m$^2$; số H02205aB ngày 16/4/2007, diện tích 251,6m$^2$; số H05139aB ngày 29/9/2009, diện tích 2.125m$^2$ và giấy chứng

nhận QSH nhà ở số 260/NƠ ngày 11/8/2008, do UBND huyện C cấp cho hộ ông Huỳnh Văn T4, bà Lê Thị Kim P.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T4, bà P có trả lãi cho Ngân hàng đến ngày 19/6/2013 thì ngưng với số tiền 21.627.667 đồng. Tại phiên tòa, ông Mai Quốc B đại diện ngân hàng yêu cầu ông T4, bà P trả số tiền tạm tính đến 30/7/2020: Vốn gốc 230.000.000 đồng, lãi 488.187.501 đồng, tổng cộng 718.187.501 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 31/7/2020. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết để đảm B cho việc thi hành án.

Phía ông T4 thống nhất nợ 230.000.000 đồng, lãi đến 31/3/2020 là 455.905.800 đồng, không đồng ý trả lãi thêm. Riêng, bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng 7222 ngày 19/12/2012 giữa ông T4, bà P và Ngân hàng K, được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và ông T4 thừa nhận có nợ ngân hàng K. Do ông T4, bà P vi phạm nghĩa vụ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền tạm tính đến 30/7/2020: Vốn gốc 230.000.000 đồng, lãi 488.187501 đồng, tổng cộng 718.187.501 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 31/7/2020 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm B cho việc thi hành án là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Hợp đồng tín dụng được đảm B bằng hợp đồng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7222/HĐTC ngày 19/12/2012, trong đó ông Thọ, bà P thế chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05138aB ngày 29/9/2009, diện tích 1.145m$^2$; số H02205aB ngày 16/4/2007, diện tích 251,6m$^2$; số H05139aB ngày 29/9/2009, diện tích 2.125m$^2$ và giấy chứng nhận QSH nhà ở số 260/NƠ ngày 11/8/2008 để B lãnh số tiền vay 230.000.000 đồng và lãi suất. Hợp đồng thế chấp được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có công chứng tại Văn phòng Công chứng Long Xuyên và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Đối với các ông, bà Huỳnh Phong V, Huỳnh Đại D, Tô Hữu T1, Huỳnh Văn T5, Hà Thanh T2, Huỳnh Thị T3, Lê Thị Mỹ L, không có ý kiến đối với việc Ngân hàng khởi kiện ông Thọ, bà P, nên không xem xét đến quyền lợi của các ông, bà trong vụ án này.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 323 Bộ luật dân sự và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch B đảm, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

- Buộc ông Huỳnh Văn T4, bà Lê Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K, số tiền tạm tính đến ngày 30/7/2020: Vốn gốc 230.000.000 đồng, lãi 488.187501 đồng, tổng cộng 718.187.501 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 31/7/2020 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm B cho việc thi hành án.

- *Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm ở giai đoạn sơ thẩm:* Chưa phát hiện có vi phạm nên không có yêu cầu, kiến nghị khắc phục.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phong V và ông Huỳnh Đại D đã được tống đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoản phiên tòa nhưng hôm nay ông T4, bà P, ông Phong và ông D vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T4, bà P, ông Phong và ông D là đúng theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng Thương mại cổ phần K khởi kiện ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P. Yêu cầu ông T4, bà P thanh T5án số tiền vốn và lãi vay 685.850.371 đồng (vốn 230.000.000 đồng, lãi 455.905.500 đồng) tính đến ngày 31/3/2020 và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 7222/HĐTD ngày 19/12/2012. Ông T4, bà P có nơi cư trú ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xuất phát từ việc Ngân hàng yêu cầu ông T4, bà P trả số tiền vốn 230.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7222/HĐTD ngày 19/12/2012. Do đến hạn thanh T5án ông T4, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh T5án được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

*[2] Về nội dung vụ án*: Xét về Hợp đồng tín dụng số 7222/HĐTD ngày 19/12/2012 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K với ông T4, bà P được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và được công chứng, chứng thực tại Phòng Công chứng Long Xuyên về hình thức và nội dung hợp đồng không trái với đạo đức, xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là Hợp đồng tín dụng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và B vệ.

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, trong quá trình thực hiện hợp đồng phía ông T4, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi đúng hạn cho Ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa

vụ của người vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Nên việc Ngân hàng khởi kiện ông T4, bà P và yêu cầu thanh T5án vốn vay, lãi còn nợ cho Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất từ sau thời điểm xét xử, tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn có yêu cầu bên vay ông T4, bà P tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 7222/HĐTD ngày 19/12/2012 đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Xét thấy, yêu cầu này là không trái với quy định của pháp luật có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số TD7222/HĐTC ngày 19/12/2012 giữa ông T4, bà P với Ngân hàng để đảm B tài sản cho việc thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng này ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, có công chứng, chứng thực và có đăng ký thế chấp tuân thủ theo quy định pháp luật nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông B đại diện Ngân hàng yêu cầu ông T4, bà P có trách nhiệm liên đới trả vốn gốc 230.000.000 đồng và tiền lãi 488.187.501đồng tính đến ngày xét xử 30/7/2020. Tổng cộng vốn và lãi là 718.187.501đồng (bảy trăm mười tám triệu, một trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm lẻ một đồng) và trả lãi phát sinh từ ngày 31/7/2020 cho đến khi thi hành án xong.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Tô Hữu T1, ông Hà Thanh T2, bà Huỳnh Thị T3, Huỳnh Văn T5 và bà Lê Thị Mỹ L có đơn trình bày có việc cầm cố, chuyển nhượng đất quyền sử dụng đất với ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P; sau đó các ông bà đã thuận được với ông T4, bà P nên các ông bà không khởi kiện ông T4, bà P trong vụ án này. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Từ những chứng cứ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Buộc ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K, Tổng số tiền vốn và lãi là 718.187.501đồng, (trong đó vốn gốc 230.000.000 đồng và tiền lãi 488.187.501đồng) tính đến ngày 30/7/2020.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số TD 7222/HĐTC ngày 19/12/2012 giữa Ngân hàng với ông T4, bà P để B đảm cho việc thi hành án.

- *Về chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ*: 1.000.000 đồng; do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Nên buộc ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên**;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ**:

- Các Điều 335, 336, 342, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 35, 146, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

2. Buộc ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 718.187.501 đồng, (trong đó vốn gốc 230.000.000 đồng và tiền lãi 488.187.501đồng); kể từ ngày 31/7/2020 ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết số 7222/HĐTD ngày 19/12/2012 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP K.

3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số TD7222/HĐTC ngày 19/12/2012 giữa Ngân hàng với ông T4, bà P với để B đảm cho việc thi hành án.

4. *Về chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ*: 1.000.000 đồng; do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Nên buộc ông Huỳnh Văn T4 và bà Lê Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền trên.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: ông T4, bà P có trách nhiệm liên đới phải chịu 32.727.500 đồng (ba mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

6. Ngân hàng TMCP K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.816.000 đồng (mười hai triệu tám trăm mười sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số 0019932 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thanh T5án số tiền trên cho bên được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự;*

*thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận**:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Quang Thanh**